

GIẢI THÍCH PHẨM THÍ DỤ THỨ BA

Có người đối với đây lập “Lai ý” (dụng ý của phẩm), nói: “Đại thừa, phạm không thí dụ”, có lẽ có thí dụ thì thành Tiểu thừa. Có người nói: “Phật pháp nhiều môn, mỗi môn đều có thí dụ”. Đây thì có thể như vậy. Nói “Trước tiên là Tổng thích”: Hai chữ “tổng thích” thông quán (đứng đầu chung cho) bốn cách giải thích. Hoặc nay hoặc xưa dùng nhân duyên... đều có sai biệt. Đầu phẩm tuy kiêm văn của chu thứ nhất, mà giải thích đề thì lại nương ý của chu thứ hai, cho nên nói “hạng trung hạ căn chưa thông đạt. . .”. Đầu tiên tổng chia làm ba:

- 1) Chữ: huấn.
- 2) Giải thích huấn.
- 3) Dụng ý.

Tiếp, trong giải thích huấn, “Mượn đây...”: là giải thích chữ “Thí”. “Nương cạn...”: giải thích chữ “Dụ”. Ngọc Thiên nói: Dùng loại so sánh gọi là “Thí”, khai hiểu khiến ngộ gọi là “Dụ”. Đã hai chữ song đề nên có chút sai biệt, đầy đủ như giải thích “huấn”, cho nên dùng so sánh hiểu để huấn thời chúng, đây gọi là nhà xe trong cõi người tức giới nội. Kia gọi là Phật sự giới ngoại, mê ngộ, cạn sâu có thể biết. Kia chỉ Phật thừa nghĩa sâu duy nhất, cho nên mê cùng ngộ chỉ có Tiểu đối Viên. Cây, cửa, gió, trăng chỉ có lý Viên giáo. “Trước rộng...”: nêu Dụng ý cũng là kết trước sinh sau. Câu đầu kết trước, “giữa cuối...” là sinh sau. Cho nên biết cơ tuy không dứt, lại đợi bi trí không dứt mà trung cơ sẽ sinh. Lại “rung cây, nhắc cửa”, khiến ý “gió, trăng” hiện rõ. Nhưng pháp nói thật tướng đầu ẩn đầu hiện, như gió lâu chẳng lúc nào dứt, trăng trên không thường lơ lửng, chỉ vì hạng trung hạ, căn cơ Đại thừa chưa khai mở, che tình còn lấp cho rằng trăng ẩn gió dừng, nên tạm lưu lại ở hai đường đây mà cần phải rung cây, nhắc cửa. Bốn cách giải thích theo Nhân duyên, v.v... thì ý chỉ Đại thừa đều rõ. Cho nên dùng hai chữ để tổng đứng đầu các giải thích.

Tiếp, Biệt giải thích: Đầu tiên trong Nhân duyên đều dùng bốn pháp thế gian để dụ cho bốn pháp của một Thực. Trong nghĩa Thế giới đầu tiên thẳng nói “thế pháp”, bởi vì thế pháp đứng đầu ba pháp. Nghe thí dụ sinh vui gọi là “Thế giới”. Sở dĩ nói ba thứ bên dưới đều là thế pháp, chỉ vì sinh... biệt đặc ba tên dưới, cho nên ba loại dưới đều do nghe thí dụ mà sinh vui... Nhân đã từng có cha con thế gian, nay nghe thí dụ nói: “Ta là con thật sự của Phật, Thanh-văn cùng Phật thiên tánh không khác”, chỉ có tại kinh này, nên nói “chưa từng có”. Bởi vì ngày

mật sai, còn không có tâm cho làm thuê làm mướn, cho nên khi lãnh nhận gia tài đâu có sinh niệm là vật của mình, mà đặc biệt do thiên tánh liên quan nhau, bèn được dự báo gánh vác. Trước lúc đó, lo lắng hối hận đến đây mới trừ bỏ, khi nói thí dụ mới gọi là chân tử (con chân thật). Nay mới được ngộ càng thêm hớn hở vui mừng, đây chỉ nghe thí dụ sinh cái vui chân thật tức văn tín giải ban đầu hoan hỷ, cho nên Đại tiểu hai thừa đều gọi là hoan hỷ. Tiếp trong Vị nhân nói: Thế sinh pháp tức của cải cho nên nói: quý giá ưa thích. Xuất thế pháp sinh tức tam thừa pháp, đứng đầu trong sinh thiện lẽ nào vượt qua đây? Cho nên xưa ba xe trân báu vi diệu thâm nhiếp. Việc các ông làm là Bồ-tát đạo. “Thế diệt pháp”: Trong nhà các tai họa có thể thoát ra được. “Xuất thế diệt pháp” nghĩa là Hoặc đoạn. Vô lậu thuật xưa, trừ bỏ lo buồn chỉ nay. Bạt khổ vốn tại đồng ban cho xe lớn, tốt nhất trừ ác chẳng gì bằng đây. Xưa phá Kiến tư thông luận nay đều là trừ ác. “Thế bất sinh diệt” tức xe lớn, cha vốn có cho nên “bất sinh”, đến chỗ bất hoại cho nên “bất diệt”. “Xuất thế bất sinh bất diệt”: Tánh đức vốn có cho nên “bất sinh”, tu đắc quả thường cho nên “bất diệt”. Do trong Tín Giải nghe thí dụ thì hoan hỷ... cho nên tứ Tất-đàn đều thí dụ cha con. Nhưng ba Tất-đàn trước tựa như căn cứ thi quyền, Đệ nhất nghĩa Tất-đàn mới căn cứ khai hiển. Phải biết ba Tất-đàn trước tức lộng dẫn của Đệ nhất nghĩa. Cho nên, dẫn tâm trước đều ham thích và để thoát nạn nhà lửa. Nếu khai hiển rồi thì đều là xe lớn. Lại tứ Tất-đàn đều có một pháp một thí, trong pháp hoặc dùng văn pháp thuyết, Thân-tử lãnh giải và lại trợ giúp thành lời kia. Nếu thẳng tiêu hai chữ thì đâu đủ đề phẩm, cho nên kết nói “một âm khéo dụ”. Đây thì gần đâu phải từ đầu đến cuối một âm. “Một âm” thì chỉ có thật, “Khéo dụ” thì kiêm quyền. Quyền dẫn về Thật cho nên không đồng xưa thuần dùng một âm, cho nên thí dụ nghĩa bao hàm bốn thứ: Nhân duyên v.v... Nếu không như vậy, thì làm sao hiểu rõ tiểu xa, đại xa, nhà lửa, nhà cha ở.

“Trung hạ được lợi ích”: Hỏi: Hạ căn chưa ngộ vì sao nói lợi ích? Đáp: Pháp Thí được gia-bị chung cho hàng trung hạ tự mê, cho nên hạ căn nghe Pháp Thí, trung căn nghe Pháp thuyết, tuy chưa hiển ngộ cũng đều lợi ích ngầm. Cho nên đến Thí và nhân duyên tức thế (đời trước) thì thâm hoạch ngộ.

Cho nên căn cứ Giáo... ba thứ đều phải căn cứ thí dụ. Thí đã ba xe, một xe xưa nay tương đối, pháp cũng hoặc Quyền hoặc Thật đều liệt kê thiên viên. Nếu không như vậy thì khai là khai cái gì? Vốn hứa cho ba xe, đòi mà không cho, cho đến vì nói đồng ban cho xe lớn. Phải biết xe

kia vốn là ba, một. Vì vật phương tiện quyền lập ba tên. Ra khỏi nhà, phá bỏ quyền phá ba chỉ có một. Tam tạng giáo, là giáo đầu tiên của bốn giáo, nói thí dụ “Bồ-tát cỡi xe trâu v.v...”: Đây Bồ-tát từ đầu đến cuối đều hóa tha, rất được danh kia. Thông giáo thí dụ nói “Ba người đồng sợ..”: Tam tạng Nhị thừa lý cũng nên như vậy, vì đối đầu cuối một hướng lợi tha cho nên hai giáo kia lại nói “tự tế” (cứu giúp). Giáo này Duyên-giác tự, tha kiêm lợi ích hơn hàng Thanh-văn, cho nên nói: “cùng chạy nhanh cùng nhìn ngoảnh lại”. Thương các Bồ-tát yếu kém cho nên có nói “cùng”. Tự hành cho nên “chạy nhanh”, kiêm tha thì mới “nhìn ngoảnh lại”. Bồ-tát tự hành đã mãn, chỉ lấy lợi vật làm hoài bảo, vì vậy cho nên chỉ nói: “Toàn chúng chạy ra”. Trong Biệt giáo ban đầu bài xích hai giáo tam thừa đều gần.

Tiếp, “Bồ-tát...”: là chánh giải thích. Đối trước đã liệt kê câu câu đều quyết chắc. Căn cứ “đại tượng” nói cho nên gọi là “biên đầy”. “Đại Phẩm...”: chứng minh đối hai giáo nhị thừa trước lược chọn. Thông giáo Bồ-tát đối Thông Nhị thừa, đoạn chứng đã đồng lược, không có hình trạng bài xích, cho nên biết là Biệt Bồ-tát bài xích hai Nhị thừa. Cho nên dùng “lửa đom đóm đối mặt trời” làm biệt, làm thí dụ. Căn cứ nghĩa lược thí dụ nên đối “xe trâu” để phân biệt Bồ-tát, bởi do chứng kinh may mắn có thí dụ tam thừa đều khác. Hai giáo tam thừa ngoài thí dụ lại có riêng Bồ-tát thí như đại tượng (voi lớn). Và lấy “đom đóm, mặt trời” dùng để bài xích nhị thừa. Lại, “Bắt đầu thấy...”: là trong Viên giáo trước chỉ Hoa Nghiêm. Và “Vì chưa nhập...”: nêu rõ ý kinh này. Hai nơi hóa sự đều không cần thí dụ, tức Hoa Nghiêm lợi căn và Pháp Hoa ở chu thượng.

“Như nay...”: nêu lý hai nơi.. bình đẳng, tuy tức hóa nghi trước sau mà đầu cuối lý nhất. Ban đầu tức Hoa Nghiêm, nay thì Pháp Hoa. Chỉ duyên “Tuệ Như”, cho nên lý đồng, cho nên nói “không hai không khác”.

Hỏi: “Không khác và không hai”, hai thứ này có gì sai biệt?

Đáp: Trọng yếu dùng “không khác” để lập lại nơi bất nhị, do “không khác” cho nên mới gọi là “không hai” (bất nhị).

Từ “Thượng căn lợi trí” cho đến “không cần thí dụ”: lại nêu hai xứ (nơi) hiển chu thượng trong đó đặc ngộ, là biện rõ sự sai khác. “Chỉ vì...”: là nêu nay có trung hạ căn, cho nên phải thí dụ. Nhưng trong Hoa Nghiêm đều là thí dụ, chỉ vì kia nhập đạo không chánh do đây, như nay Đàm hoa làm thành Pháp thuyết. Nói “động chấp...”: Thượng căn nhất xứ, trung căn hai xứ, hoặc nói năm xứ. Trong rộng có trường hàng kệ

tụng đều là pháp thuyết lãnh thuật hai văn. Hạ căn tam xứ (ba chỗ) hoặc nói mười một xứ. Ở năm xứ trước, lại thêm trong Thí thì lãnh thuật đều có trường hàng kệ tụng, cho đến hạ căn hai mươi hai phen khai quyền hiển thật, đầy đủ như cuối phẩm Hóa Thành nêu. Do chưa ngộ cho nên mê nơi pháp thuyết quyền thật kỳ đạo (đường rẽ). Ta xưa cùng kia đồng ở nơi hạng Vô học, kia được thọ ký thuật, riêng ta chưa được thẩm nhuần. Ban đầu nghe lược nói rồi thì trong lòng tiến thoái, đó là cực quả hay là phương tiện gì? Là vĩnh viễn tại tiểu thừa hay là (đương) sẽ thành Đại thừa? Lại nghe năm Đức Phật, mà nghi vẫn chưa trừ cho nên lại phải dùng thí dụ xe để dẫn, cho nên gọi là “Viên thí” (thí dụ trong Viên giáo).

Người đời nói: “Thiên Thai ức chế Hoa Nghiêm”, chính là do không giỏi về các tông khác cho nên nói như vậy. Đã xét Phật tuệ hai kinh không sai khác, chỉ bộ vọng bộ đều có chút sai khác. Đã không thể chỉ Lộc uyển là bắt đầu, lại nói “nghe ta” mà các nghĩa khác không thành! Thiệp Công nói: Pháp Hoa, Hoa Nghiêm rộng lược sai biệt. Đây gửi mùi hương chiêm-bạc lưu toả mà chưa cùng tận ý chỉ vi diệu của các mùi hương, do không thể tư duy tường tận tông này. Rộng lược tuy như vậy, Kiêm và Đối thì như thế nào? Hiển bản chưa rõ thọ ký tiểu chẳng theo lệ, cho đến văn dưới mười nghĩa đồng khác. “Trì trừ”: là như do dự. “Kỳ đạo”: Bộ Nhĩ Nhã nói: đến chỗ có hai, gọi là “kỳ”.

“Bản tích quán tâm vân vân”: Điều phải căn cứ thí dụ Bản tích đầy đủ như Liên hoa tam thí Huyền Văn quyển bảy. Nếu muốn tiến mượn sơ thành thiết lập giáo thì lẽ nào không có một, ba, cho nên ngàn cành vạn lá đồng tông một gốc rễ, cho đến năm trăm, ba ngàn trần điểm có thể dùng ý biết. Quán tâm thí dụ: “Không” ví như bạch ngư, “Giả” ví như cụ độ, “Trung” ví như thể của xe, cho đến huyện Không, huyện Giả, huyện Trung. Tiếp, “phân văn giải thích”: Sắp xếp thí dụ, và lại giải thích phần còn lại của phẩm trước. Đầu tiên trong lãnh giải: Sắp xếp trước Thí thuyết v.v... : Có người nói: Vì Thí làm Tựa thì nên nạn vấn rằng: Tín giải Dược thảo Thọ ký cũng nên sắp xếp trong phẩm Hóa Thành vì hóa thành làm tựa. Từ “Trường hàng lãnh cùng giải” đến “đều trình bày”: Trường hàng ba nghiệp đều có Nêu ra, Giải thích, Kết. Hai văn Nêu ra và Kết đều đầy đủ ba nghiệp mà không phân lãnh giải, chỉ trong Giải thích lấy thân nghiệp làm “lãnh”, khẩu, ý làm “giải”. Bắt đầu “Nay con theo đức Thế Tôn..” là lãnh. Từ “Vì sao vậy? Vì xưa con theo Phật...”: là giải. “Kệ đều trình bày”: Ba đoạn mỗi đoạn có hai, đến trong kệ dưới mỗi mỗi điểm xuất ra. “Một hạnh” (hạnh phúc, may

mấn): Nghĩa là một nghiệp gặp vui, nay ba nghiệp đều vui mới thành ba hạnh. Ta nay thân đã gần gũi Phật hướng lại nghe pháp, nghe pháp tức là khẩu vui, được hiểu tức là ý vui. Lại xưa chỉ cơ tình, cơ tình ở trong gọi là “một hạnh”. Nay do miệng thính, ba nghiệp đều vui cho nên nói “ba vui”, quá ý đã mưu tính cho nên gọi là “hạnh”. Cho nên văn dưới nói: chẳng phải trước mong cầu mà nay tự đắc. “Biện” là vỗ tay múa, tức tâm, miệng vui sướng đến nỗi hiện ra ngoài, do hai động hình, cho nên cả ba đều động. “Văn nói...”: dẫn chứng, là chánh chứng “ba vui”. Văn tuy lại liệt kê ý, khẩu hai vui, mà có hai ắt có ba, lý số phải như vậy; trong ngoài sai khác, cho nên tức thế giới. Lại, đây bốn văn nên căn cứ phẩm trước, mà nay ba văn sau căn cứ Tín Giải: Khai hiển nghĩa đồng kia đây, thông dụng ý đồng, thời khác cũng nên không sai. “Bỏ nghèo, thọ nhận giàu”: Khai Tam tạng trân báu, đặc chân thật thiện lợi, là tốt nhất trong Sinh thiện. “Ưu hối đều bỏ...”: Khai hai vị. Vĩnh viễn trừ ưu nghi cho nên trừ ác nghèo. Ta nhớ xưa ở thời Phương-đẳng thì bị bài xích cho nên “ưu”, đến thời Bát-nhã thì “hối” vì đã trụ Tiểu thừa. Thời Phương-đẳng thì bị bài xích, cho nên “nghi”. Thời Bát-nhã thì không chấp, cho nên “nan” (khó). Trước là “ngoại chướng”, Tiểu làm “nội chướng”. Lại, bị chê trách không thọ, gọi là “ngoại chướng”. Được thêm mà không nhận lấy, gọi là “nội chướng”. Nay thì không có lỗi của ba cặp này, cho nên nói “đại lãng”, trú nhất thật đệ nhất nghĩa.

Tiếp trong phần “Căn cứ Giáo”: văn đầu tiên theo cách chung giản thể của vui xưa, cho nên trước trình bày xưa là Tiểu thừa. Tiếp, “Nay nói...”: là giản lược khác, tức lược không hiển có. “Hoặc là Khổ nhãn...”: là chánh giải thích vì rằng cái vui thế gian từ lâu đã trừ. Tạng, Thông hai vui từ lâu đã đắc. “Hoặc là nhị Không...”: giáo đạo lại chẳng phải là đối tượng để làm theo, trải qua ba giáo bỏ đi bởi vì có nguyên do, vì không phải là điều mà nay muốn nêu, đó là chỉ có vui Viên giáo. Như cái ao ít nước, như phàm phu không thấm nhuần, thì không có trí xuất thế gian. Trong Viên giáo: Đầu tiên là vị, tiếp là nhân. “Sơ trụ gọi là Hoan hỷ”: là nghĩa lập. Vì ba pháp khai phát cùng Sơ địa không khác, cũng gọi là Hoan hỷ. “Thân-tử” đến “hoan hỷ”: chưa dám định phán cho nên hoặc là hai cách. “Siêu nhập” tức Hạnh, hoặc là Hưởng, hoặc là Địa. Dù không siêu thì cũng nhập sơ trụ, gọi là Hoan hỷ. Các nhà chú thích nói thẳng: Nghi lo ngoài đã trừ thì vui trong tâm phát sinh, bất giác chân dẫm đạp cho nên nói “dũng dực (hơn hở)”, nên phải phân giáo mới biện rõ tốt xấu (ưu liệt). Cho nên A-la-hán không có cái vui trong ba cõi. Nói “dũng dực”: là biệt Hoặc (lậu hoặc) đã huân tập ngoài

điều pháp được gia-bị. “Giải thích theo Quán tâm thì lại không ghi chép vân vân”: là lẽ ra giải thích Vui theo nhất tâm tam quán lục tức. Tiếp, giải thích “Uy nghi bên ngoài”, đây là sự kinh gia giải thích có thể hiểu, nơi khác dù có nêu ra chỉ nói biểu hợp chứ không biết năng sở, đó là trí gì và hợp lý gì? Nay tiêu biểu khác các bộ mà trong văn còn lược, rộng xem xét thì như giải thích phẩm Phương Tiện. Trong đây cũng xem xét hưởng Phật vì nay biết là thật. “Chấp tay hưởng Phật” thì giáo nào chẳng có mà nay tiêu biểu chỉ có Phật quả? Phải biết: xưa hưởng chẳng thật, nay khai vì rằng thật hưởng tiêu biểu phi thường, trong Tựa báo điền lãnh cũng lại như vậy. “Chiêm ngưỡng tôn nhan...”: Trước nay tuy chấp tay là tiêu biểu Thật không hai, mà không thể nêu bên trong tâm đã hiểu cho nên hưởng mà lại chiêm ngưỡng. Dựa vào “thấy tôn nhan” để tiêu biểu “hiểu”, biết là Phật chẳng phải ai khác, như chẳng phải quyền chỉ có thật. Cho nên biết, bên ngoài thấy Phật, mà cũng chính là ý không tư duy khác, tức tiêu biểu thấy tha thật cảnh mà tự khai tri kiến. “Ý giải...”: là phân ra thân và ý để đối lãnh giải. Vì nói xen nhau nêu hai nghiệp đều lãnh giải đủ quyền thật. Cũng căn cứ sở biểu để phân biệt thân ý, cho nên dùng “chấp tay” tiêu biểu thân, “chiêm ngưỡng” tiêu biểu ý. Xưa thân cách xa Phật như hai bàn tay tiêu biểu quyền, nay thân thấy Phật chấp tay là tiêu biểu thật. Cho nên, nói tức Quyền mà Thật. Ý cũng như nói xưa chưa hiểu (giải) Thật, nay lấy niệm mà tiêu biểu, cho nên nói giải thật tức là quyền, nên nói “xen nhau nêu”. “Bạch Phật...”: Nói miệng lãnh giải, là đối kinh gia kia. Nay lấy tự trình bày mà làm miệng lãnh giải, lãnh ất đầy đủ ba chẳng riêng gì miệng. Cho nên ba phần: Nêu, Giải thích, Kết đều đầy đủ ba. Trong phần “Nêu”: “ba”, đã nói “Bạch Phật” thì nên chỉ ở miệng, tại sao nói ba? Nhưng nói “lãnh”, thì ất trước biểu hiện nơi miệng vì miệng thuật lại sở đắc, lẽ nào chuyên một đường? Thế nên thuật đủ “sở tông, sở văn” và sinh hoan hỷ, ba nghiệp đầy đủ.

Tiếp, trong phần “Giải thích” thì trước là giải thích thân, nói: “Như mặt trời chiếu núi cao, mặt có nghĩa nghe”.

Hỏi: Mặt thông Lộc-uyển và dùng hai tô, vì sao riêng nói “núi cao chiếu trước”?

Đáp: Đây đối Tiểu thừa hiển bày điếc câm, bộ chỉ có Đại thừa, cho nên hiển hoàn toàn không có, tạm nói “mặt” đó thôi! Lộc uyển có mặt căn cứ theo lệ có thể biết. “Thọ ký chỉ Phương-đẳng”, có chỉ A-hàm thọ ký Di-lặc, A-hàm chưa từng nêu Tri kiến Phật có lỗi gì ư? “Con thường ở một mình, tư duy quá sở”, “sở” tức “núi rừng”, cũng nên nói

“hành...”: là tư duy quá nghi. “Nghĩ như vậy....”: Là tư duy quá tâm; nay tư duy chỗ ở, uy nghi và tâm niệm ngày xưa đều là lỗi, cho nên nói “tư quá (tư duy lỗi)”. “Đồng nhập...”: là xuất tướng lỗi kia, chỗ ở... có lỗi là do chấp pháp tánh.

Hỏi: Giả sử xưa nhập Tiểu thừa pháp tánh, thì có lỗi gì?

Đáp: Chỉ vì cho rằng cùng Bồ-tát đồng nhập, mà đối ba giáo để biện rõ lỗi mình, nghi Phật có thiên vị, do đó thành lỗi. Do vì không biết ngoài Tiểu pháp tánh, biệt có diệu lý mà Bồ-tát chứng đắc. Cho nên Tam tạng Thanh-văn cho đến Phật không có biệt pháp tánh.

Đức Phật ấn chứng cho Ca-diếp đương giáo luận đồng, tức nghĩa này vậy. Thông giáo ba người đều ngồi tòa giải thoát, trung luận thật tướng ba thừa cùng đắc, vậy thì ba thừa Thông giáo pháp tánh, cũng cùng Tam tạng pháp tánh không khác. Các người Thanh-văn tuy tại lực... mật thành người Thông giáo, chưa nói hợp hiện rõ, gọi là tiểu nhập đại, cho nên nay sở luận vẫn tại Tam tạng. Thuật lại ban đầu gặp Ác-ty và nghe cậu luận nghĩa đắc pháp tánh thì chẳng liên quan, nghe diệu mới nhập viên thường.

Tiếp, “Do ta mê quyền...”: là thuật nguyên do lỗi. Do mê quyền cho nên cho rằng pháp tánh đồng, đâu có liên quan đến sở Hoặc lý Nhất giáo tam? Do mê hoặc thật cho nên chỉ quyền là thật, đâu có liên quan đến Thế Tôn thiên thọ ký Bồ-tát? “Vì sao vậy...”: là dẫn nghĩa chờ đợi, tự trách. Tiếp, “Sở nhân hai nghĩa...”: là chánh giải thích sở nhân. Đầu tiên nêu hai nghĩa, nếu biết sở chứng không thật thì nên đợi nói nhân thật, nếu biết đã tại phương tiện thì hiểu tức Thật là quyền. “Đầu tiên chiếu...”: giải thích “nếu như vậy”. Nói “vội vàng” tức chẳng những Lộc-uyển mà còn chỉ hai tô, bởi vì trong hai vị đây cũng có sơ đắc tiểu quả, nhưng trong y văn thì hai tô đều ở giữa hai cột mốc. Nếu Lộc-uyển có sơ chứng thì cũng có thể dùng hai tô để giải thích nghĩa dừng lại. Nhưng hai tô căn cơ lẫn lộn, cho nên dùng từ đầu đến cuối để giải thích nghĩa dừng. Do trong Nhũ kia Viên thuyết Phật nhân, ta tự không đối, lỗi không thuộc người khác. Kinh nói “ắt dùng Đại thừa”: Lời thông các giáo, ý thì không như vậy, tuy chỉ vì phát Đại thừa mà tâm thì không “chết”. Nay thì giản biệt ý chỉ có tại Viên. Nên biết “sở nhân” không xuất nhân quả và dùng nguyện hạnh.

Hạnh tức Lục độ, nguyện nghĩa là Tứ hoàng. Cho nên trong Phật Địa luận thông nhân ba thứ: 1. Ứng đắc nhân: nghĩa là Bồ-đề tâm tức Tứ hoàng. 2. Gia hạnh nhân: nghĩa là các Ba-la-mật, Lục độ cũng thấu nhiếp các hạnh. 3. Viên mãn nhân: tức chỉ Phật quả. Thông lấy quả, quả

làm kỳ hạn của nhân, cho nên cũng gọi là nhân. Xét kỹ mà luận thì chỉ tại hai thứ trước, thành tựu Bồ-đề tức là quả.

“Mà nay được từ Phật là kết thân hỷ”: Đây đủ như trước giải thích. “Đoạn các nghi hối...”: Thông thì thông chỉ hai tô thời thấy việc của Bồ-tát, Biệt thì chỉ tại lược thuyết thời bài xích làm phương tiện, lại thông nói các Phương-đẳng thắng cảnh chẳng phải một, Bát-nhã pháp tướng bao gồm thông. Phàm có thấy nghe đều là cảnh sinh nghi, do cảnh nên sinh nghi, do nghi nên hối, nay nghe pháp thuyết hối hận lỗi hai lần chờ đợi. Lại do rộng nói nghi hối đều trừ. Do xưa tuyệt phân hai nghĩa đều liên quan, ngày nay mới biết chân thật là đồng. Đầu tiên căn cứ ba câu kết thành ba văn, văn đã phân minh trên dưới có Tựa. Lại do ba nên thành Phật pháp có phần. Phần tức Sơ trụ phần chân vị. Không cần “Từ miệng Phật...”: là đối ba tuệ, văn không từ sinh ba tuệ mà kéo dài cho nên nói “văn tận, lý rõ ràng”, đây tức là lý của đạo lý. Nói “Lại dùng tứ Tất-đàn”: Lại trở lại hướng trước hiểu rõ các văn lãnh. Đầu tiên nêu ba vui là Thế giới Tất-đàn, dừng được tức hoan hỷ. “Vì sao vậy...”: Dùng văn giải thích thân khẩu hỷ làm Vị nhân Tất-đàn. Ba nghiệp tướng vọng thân khẩu lại từ Sinh thiện thuyết. Cũng nên từ Phá ác thuyết dùng làm Đối trị, không đề cập đến ý hỷ vì nghĩa phá ác mạnh. Nếu như vậy thì ý hỷ cũng là khả năng tốt nhất sinh hỷ cho nên lại một phen đến. Tiếp, “Ta từ...”: dùng giải thích ý hỷ làm Đối trị, tự trách trừ nghi tức nghĩa phá ác. Tiếp dùng văn thành tựu làm Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. “Chân Phật tử”: Do nhập lý cho nên thành đệ nhất nghĩa. “Lại, căn cứ hỷ tâm làm tứ Tất-đàn”: Tuy lại nêu ba và dùng ba nghiệp lãnh cùng giải mà tóm lại không ra ngoài hỷ. Cho nên, đơn cử từ hỷ để luận bốn lợi ích: “Động vui” là lợi ích Thế giới. “Chưa từng có” là nêu rõ sở đắc hỷ, tức Vị nhân. “Động giác quán” là nêu rõ phá hỷ xưa, tức Đối trị. “Động nơi hình” là nêu rõ biệt lý hiển, tức Đệ nhất nghĩa. “Vân vân”: là khiến y văn đây giải thích tương tứ Tất-đàn. Lại thông luận: Vì rằng tướng vui khác thường, cho nên tâm hình đều động. Khác thường cho nên là Thế giới Tất-đàn, động vui cho nên là Vị nhân, trừ nghi cho nên là Đối trị, nhập lý cho nên là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn.

